

Số: 385/2023/QĐST-HNGĐ

Thuận An, ngày 07 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào:

- Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 55, 58, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 582/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông T, sinh năm 1987; thường trú: Thôn 4, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ô 13, DC06, khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2/ Bà N, sinh năm 1987; thường trú: Thôn 4, xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Ô 13, DC06, khu phố 4, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 30/2009, quyền số 01 ngày 03/9/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, đời sống không hạnh phúc. Trong thời gian mâu thuẫn ông T và bà N đã nhiều lần nói chuyện để hòa

giải nhưng không hòa hợp được. Hiện tại, ông T và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Ông T và bà N có 02 người con chung tên H, sinh ngày 30/8/2007 và A, sinh ngày 08/10/2013. Sau khi ly hôn, bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai người con, mỗi người con cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà N thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung tên H, sinh ngày 30/8/2007 và A, sinh ngày 08/10/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai người con, mỗi người con cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng/tháng, bắt đầu thực hiện cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông T và bà N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004703 ngày 16/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
 - VKSND thành phố Thuận An;
 - Chi cục THADS thành phố Thuận An;
 - UBND xã V, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- (Giấy CNKH số 30/2009, quyển số 01 ngày 03/9/2009);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tuyết Ánh